

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH TẾ VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH TẾ VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THT TECHNOLOGY SCIENCE AND ECONOMIC JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THTJSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109491684

3. Ngày thành lập: 12/01/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 571A đường Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0903435699

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; - Thiết kế kết cấu công trình; - Thiết kế điện - cơ điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước; - Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; - Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; - Thiết kế hệ thống xử lý nước cấp, nước thải, khí thải; - Thiết kế phòng cháy - chữa cháy; - Khảo sát địa chất thủy văn công trình; - Khảo sát địa hình công trình; - Giám sát xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ; - Kiểm định xây dựng; - Định giá xây dựng; - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng; - Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; - Quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; - Lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự tuyển, hồ sơ dự thầu. (Điều 4, Điều 16 Luật Đấu thầu 2013, Khoản 13, 14, 16 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP); Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8, Khoản 9, Khoản 10, Khoản 11, Khoản 13, Khoản 26, Khoản 27, Khoản 28, Khoản 30, Khoản 31, Khoản 32, Khoản 33, Khoản 34, Khoản 35, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ xây dựng)	7110
2.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
3.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212(Chính)
4.	Quảng cáo	7310
5.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
6.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740

7.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Trừ trung tâm dịch vụ việc làm) (Điều 2, điều 5 Nghị định 196/2013/NĐ-CP)	7810
8.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
9.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (Nghị định số 29/2019/NĐ-CP ngày 20/03/2019); - Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài. (Điều 8 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2006)	7830
10.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
11.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
12.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
13.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
14.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
15.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4512
16.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
17.	Cho thuê xe có động cơ	7710
18.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
19.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
20.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới (Loại trừ đấu giá) (Điều 23, 25 Luật đấu giá tài sản)	4610
21.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
22.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định (Điều 4 Nghị định 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020)	4932

23.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020)	4933
24.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
25.	Bốc xếp hàng hóa	5224
26.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
28.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
29.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4541
30.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4543
31.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
32.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
33.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
34.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
35.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn công nghệ khác; Dịch vụ chuyển giao công nghệ; Môi trường chuyên gia công nghệ; Tư vấn chuyển giao công nghệ; Xúc tiến chuyển giao công nghệ; Kinh doanh dịch vụ đánh giá, thẩm định giá và giám định công nghệ (Khoản 3 Điều 48 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017)	7490
36.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28, Luật Thương mại 2005)	8299
37.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
38.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
39.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
40.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
41.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
42.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
43.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817

44.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
45.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
46.	Xây dựng nhà để ở	4101
47.	Xây dựng nhà không để ở	4102
48.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
49.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư (Trừ hoạt động tư vấn luật, kế toán, kiểm toán) (Điều 4, điều 35 Luật Luật sư, điều 59 Luật kế toán, điều 20 luật kiểm toán độc lập)	6619
50.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản (Loại trừ đấu giá) (Điều 23, 25 Luật đấu giá tài sản)	6820
51.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn luật, kế toán, kiểm toán) (Điều 4, điều 35 Luật Luật sư, điều 59 Luật kế toán, điều 20 luật kiểm toán độc lập)	7020
52.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐÀO MẠNH HÙNG	Số 571A đường Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	40,000	001059010648	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	40,000		
2	VŨ VĂN TẤN	Số 21, Ngõ 31, đường Dịch Vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	30,000	013510071	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	90.000	900.000.000	30,000		

3	NGUYỄN ANH TUẤN	B401 c/c Idico Tân Phú, 262/13 Đường Lũy Bán Bích, Phường Hoà Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	30,000	0790810013 34
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	90.000	900.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐÀO MẠNH HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 20/03/1959

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001059010648

Ngày cấp: 09/11/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 571A đường Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 571A đường Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội